

Số: 12/2020/QĐST-KDTM

Đống Đa, ngày 02 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

*Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 317 và Điều 319 Luật Thương mại.*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của UBTW Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 14/2020/TLST-KDTM ngày 15/01/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* **Công ty TNHH A**; Địa chỉ: Xóm 15, thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, Hà Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Trung; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lại Thị Nhạn.

*Bị đơn:* **Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị B - Công ty TNHH một thành viên**; Địa chỉ: Số 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Luyến - Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Trung Kiên - Phó phòng tổ chức hành chính.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Từ năm 2016 đến năm 2019 giữa Công ty TNHH A và Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị B - Công ty TNHH một thành viên, đã ký các hợp đồng kinh tế, về việc Công ty TNHH A cung cấp đá dăm, cát cho Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị B - Công ty TNHH một thành viên.

Tính đến ngày 24/6/2020 Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị B - Công ty TNHH một thành viên còn nợ và có trách nhiệm trả Công ty TNHH A số tiền gốc:

5.603.320.900 đồng (năm tỷ, sáu trăm linh ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn, chín trăm đồng) theo lộ trình 11 đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: Chậm nhất đến ngày 30/6/2020 trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đợt 2: Chậm nhất đến ngày 31/7/2020 trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đợt 3: Chậm nhất đến ngày 30/8/2020 trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đợt 4: Chậm nhất đến ngày 30/9/2020 trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đợt 5: Chậm nhất đến ngày 31/10/2020 trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đợt 6: Chậm nhất đến ngày 29/11/2020 trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đợt 7: Chậm nhất đến ngày 31/12/2020 trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đợt 8: Chậm nhất đến ngày 31/01/2021 trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đợt 9: Chậm nhất đến ngày 28/02/2021 trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đợt 10: Chậm nhất đến ngày 31/3/2021 trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đợt 11: Chậm nhất đến ngày 30/4/2021 trả 603.320.900 đồng (Sáu trăm linh ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn chín trăm đồng).

Trường hợp, Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị B - Công ty TNHH một thành viên vi phạm bất kỳ đợt trả nợ nào thì Công ty TNHH A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành đối với toàn bộ khoản tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán.

Án phí: Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị B - Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH A thống nhất Công ty TNHH A tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại theo quy định là 56.800.000 đồng (năm mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) Công ty TNHH A đã nộp; Hoàn trả Công ty TNHH A số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009819 ngày 15/01/2020.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Quản Văn Tiến**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

